TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HẠNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
"V/v ly hôn giữa chị H và anh C"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HẠNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn và chia công nợ khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HẠNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HẠNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 34, khu phố 3, đường Đồng Khởi, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt, không có lý do).

3. Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội; địa chỉ trụ sở chính: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết Thắng:* Ông Phạm Trung T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Nam Định, theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Trung Thành:* Bà Nguyễn Thị H; chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Nam Định, theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 23/QĐ-NHCS ngày 12-3-2021 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V (Có mặt)

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1942; địa chỉ: Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07-01-2021, bản tự khai ngày 12-01-2021, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 30-12-2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn chị và anh C sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ của anh C ở Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định và vợ, chồng đã chung sống hòa thuận Hạnh phúc với nhau được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh C mải mê chơi bời cờ bạc, rượu, chè rồi không quan tâm gì đến gia đình; ngoài ra còn nguyên nhân khác nữa là do vợ, chồng kết hôn với nhau thời gian đã lâu mà không có con chung. Việc anh C chơi bời chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không có thay đổi gì, từ đó dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ, chồng chị thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau nên vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc. Do chơi bời cờ bạc, anh C đã vay mượn tiền của nhiều người ở ngoài xã hội mà không có khả năng trả nợ được cho họ nên họ đã nhiều lần đến nhà đòi nợ và đe dọa anh C. Do đó đầu năm 2017, anh C đã bỏ trốn vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để trốn nợ. Sau khi anh C bỏ đi trốn nợ được khoảng 02 tháng thì chị cũng bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở Xóm T, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định để sinh sống và vợ, chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ thời điểm đó cho đến nay. Trong thời gian vợ, chồng chị sống ly thân với nhau thì chị và anh C không có liên lạc gì với nhau và không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Chị H xác định mâu thuẫn của vợ, chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng chị cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay vì vậy mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Nên, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh C không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai bổ sung ngày 23-4-2021, đơn đề nghị ngày 23-4-2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng chị Trần Thị H trình bày về các mối quan hệ: Hôn nhân; con chung; tài sản chung, riêng và những vấn đề khác có liên quan đúng như là chị H đã trình bày nêu ở trên; còn về phần công nợ chị H trình bày như sau: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai trước đó chị có xác định vợ, chồng chị không có khoản nợ chung nào, lý do là chị không biết gì về việc anh C đã vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V và nay vẫn còn nợ cả tiền gốc vay và tiền lãi suất của Ngân hàng, vì khoản tiền vay nợ đó của Ngân hàng là một mình anh C tự vay, một mình anh C đứng tên trong hồ sơ vay để anh C lấy tiền trả nợ cho việc chơi bời của cá nhân anh C, chứ anh C không có đem về cho chị và gia đình được đồng nào từ số tiền mà anh C đã vay của Ngân hàng và tại thời điểm trước, trong, sau khi vay tiền của Ngân hàng thì anh C cũng không có nói gì cho chị biết do đó chị không hề biết gì về khoản tiền mà anh C còn nợ của Ngân hàng nên thời điểm chị làm đơn xin ly hôn với anh C chị mới xác định là vợ, chồng chị không có khoản nợ chung nào. Chị chỉ biết vợ, chồng chị có khoản nợ chung của Ngân hàng từ thời điểm Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ, chồng chị phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc vay tính đến ngày 17-02-2021 là 11.156.364 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính đến ngày 17-02-2021 là 4.505.285 đồng. Nay do khoản tiền anh C còn nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội, là anh C vay trong thời kỳ hôn nhân của vợ, chồng chị nên chị hoàn toàn nhất trí về số tiền còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội là khoản nợ chung của vợ, chồng chị vì vậy chị và anh C cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và sau ly hôn thì chị nhận trả nợ cho Ngân hàng ½ số tiền còn nợ, còn anh C phải trả nợ ½ số tiền còn nợ. Chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc anh C phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội ½ số tiền gốc vay còn nợ và ½ số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận còn nợ, còn chị trả nợ ½ số tiền gốc vay còn nợ và ½ số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận còn nợ; ngoài ra chị còn trình bày chị mới đi làm công nhân ở trong thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, công việc làm của chị rất bận, chị không thể xin Công ty cho nghỉ để về Tòa án làm việc trong các lần làm việc tiếp theo được nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vụ án nữa và cho phép chị được vắng mặt trong tất cả những buổi làm việc tiếp theo, cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án và nếu như Tòa án có gửi văn bản tố tụng gì cho chị thì gửi theo địa chỉ mà chị đang tạm trú hiện nay ở trong tỉnh Đồng Nai là: Tổ 34, khu phố 3, đường Đồng Khởi, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; còn về địa chỉ nơi cư trú của anh C ở trong Thành phố Hồ Chí Minh thì chị không biết được cụ thể thế nào, chị chỉ biết là hiện nay anh C vẫn đang làm ăn, sinh sống ở trong Thành phố

Hồ Chí Minh, ngoài ra chị còn được biết từ khi anh C bỏ nhà đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay thì vào những dịp gia đình anh C có công việc gì thì anh C vẫn về quê, khi nào gia đình xong công việc thì anh C lại đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn C: Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập anh C về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và anh C cũng không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì của mình về việc giải quyết vụ án.

* Tại văn bản số 12/CV-NHCS ngày 17-02-2021, đơn đề nghị ngày 16-3-2021, bản tự khai ngày 24-3-2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày: Ngày 28-5-2014, anh Nguyễn Văn C đã có đơn đề nghị vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, với số tiền đề nghị vay là 12.000.000 đồng, thời Hạn xin vay là 60 tháng, kỳ Hạn trả nợ là 06 tháng/lần, Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09-6-2019 và đến ngày 02-6-2014 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã đồng ý phê duyệt cho vợ, chồng anh C, chị H vay vốn theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với số tiền vay là 12.000.000 đồng, mức lãi suất trong Hạn là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá Hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời Hạn cho vay là 60 tháng, kỳ Hạn trả nợ là 06 tháng/lần, số tiền trả nợ là 1.300.000 đồng/lần, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày mùng 9, Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09-6-2019 và đến ngày 25-6-2014 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã giải ngân cho vợ, chồng anh C, chị H vay với số tiền là 12.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ, chồng anh C, chị H đã trả tiền lãi cho Ngân hàng được đến hết ngày 09-5-2018, được tổng số tiền là 3.669.526 đồng và đến ngày 14-11-2019 đã trả cho Ngân hàng được một phần tiền gốc vay, với số tiền là 843.636 đồng và kể từ ngày 15-11-2019 cho đến nay thì vợ, chồng anh C, chị H không trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào nữa. Qua xem xét hồ sơ vay vốn của vợ, chồng anh C, chị H lưu tại Phòng giao dịch Ngân hành chính sách xã hội huyện V thể hiện: Tính đến ngày 17-02-2021 vợ, chồng anh C, chị H còn nợ số tiền gốc vay là 11.156.364 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 4.505.285 đồng. Do vợ, chồng anh C, chị H nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và thời Hạn vay đã hết từ nhiều tháng nay. Vì vậy để đảm bảo việc thu hồi vốn cho Nhà nước, cho Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ, chồng anh C, chị H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội khoản tiền gốc vay còn nợ với số tiền là 11.156.364 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 10-5-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án với số tiền là 4.955.403 đồng, trong đó lãi trong Hạn là 4.269.119 đồng, lãi quá Hạn là 659.284 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tương ứng với số tiền gốc mà vợ, chồng anh C, chị H còn nợ kể từ sau

ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi vợ, chồng anh C, chị H trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

* Tại các biên bản lấy lời khai trong các ngày 10-02-2021 và 12-4-2021, người làm chứng bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của anh C và là mẹ chồng của chị H đã trình bày về các mối quan hệ: Hôn nhân; con chung; tài sản chung và những vấn đề khác có liên quan của vợ, chồng anh C, chị H đúng như là chị H đã trình bày nêu ở trên. Ngoài ra thì bà P còn trình bày về các nội dung sau:

Về phần công nợ chung của vợ, chồng anh C, chị H thì thời gian gần đây bà mới được biết là vào năm 2014 vợ, chồng anh C, chị H có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, với số tiền vay là 12.000.000 đồng và nay vẫn còn nợ cả tiền gốc và tiền lãi (Cán bộ Phụ nữ của xóm Hội 1 và đại diện chính quyền Xóm H, xã Q mới thông báo cho bà biết về khoản vay nợ này); còn về nợ cá nhân của anh C thì bà được biết hiện nay anh C vẫn còn nợ tiền của một số người ở ngoài xã hội mà anh C đã vay của họ trước đó, nhưng bà không biết được cụ thể là nợ của ai và nợ bao nhiêu tiền.

Về hộ khẩu thường trú của anh C và chị H: Hiện nay anh C và chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm H, xã Q và từ khi vợ, chồng anh C, chị H bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay thì cả anh C và chị H đều chưa có cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác lần nào. Từ khi chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ để sinh sống cho đến nay thì chị H không có liên lạc gì với bà và chị H cũng không có quay lại nhà bà lần nào nữa, còn anh C thì từ khi bỏ nhà đi cho đến nay thỉnh thoảng anh C vẫn gọi điện thoại về cho bà và vào những dịp gia đình bà có công việc gì thì anh C vẫn về và cứ xong công việc là anh C lại đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh ngay.

Về nơi cư trú hiện nay của anh C thì bà chỉ biết hiện nay anh C vẫn đang làm ăn, sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh, còn về địa chỉ nơi cư trú của anh C ở trong đó cụ thể thế nào thì bà không biết được, vì anh C không nói cho bà biết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh C thì bà đề nghị Tòa án cứ giao cho bà, bà sẽ nhận thay cho anh C rồi bà sẽ thông báo ngay nội dung của văn bản tố tụng đó cho anh C biết; về các văn bản tố tụng mà Tòa án đã giao cho bà thì bà đều đã thông báo cho anh C biết về nội dung của văn bản đó.

Việc chị H xin ly hôn với anh C bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ trong các ngày 10-02-2021 và 12-4-2021, đại diện UBND xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp về các mối quan hệ: Hôn nhân; con chung; tài sản chung và những vấn đề khác có liên quan của vợ, chồng anh C, chị H đúng như là chị H đã trình bày nêu ở trên.

Về công nợ chung: Căn cứ vào hồ sơ các hộ dân xã Q vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V thể hiện như sau: Ngày 25-6-2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã giải ngân cho vợ, chồng anh C, chị H vay với số tiền là 12.000.000 đồng (vay theo chương trình nước sạch

và vệ sinh môi trường nông thôn). Quá trình thực hiện hợp đồng vợ, chồng anh C, chị H đã trả lãi cho Ngân hàng được đến hết ngày 09-5-2018, được tổng số tiền là 3.669.526 đồng và đến ngày 14-11-2019 đã trả được một phần tiền gốc vay, với số tiền là 843.636 đồng, còn từ ngày 15-11-2019 cho đến nay thì vợ, chồng anh C, chị H không trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào nữa và tính đến ngày 12-4-2021 thì vợ, chồng anh C, chị H còn nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền gốc vay là 11.156.364 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận là 4.714.901 đồng.

Về việc đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú của vợ, chồng anh C, chị H: Hiện nay vợ, chồng anh C, chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở Xóm H, xã Q, nhưng khoảng từ giữa năm 2017 cho đến nay thì địa phương không thấy vợ, chồng anh C, chị H còn thường xuyên sinh sống tại địa phương nữa mà địa phương chỉ thấy khi nào gia đình anh C có công việc gì thì mới thấy anh C có mặt tại địa phương, nhưng anh ấy chỉ ở nhà một thời gian ngắn rồi anh ấy lại đi, còn chị H thì địa phương không thấy chị ấy quay về lần nào. Hiện nay vợ, chồng anh C, chị H ở đâu, làm gì thì địa phương không nắm bắt được, vì khi đi vợ, chồng anh C, chị H không có báo cáo gì với chính quyền địa phương nên địa phương không thể biết được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 27, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C.

+ Chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của Ngân hành chính sách xã hội. Buộc chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C phải trả nợ cho Ngân hành chính sách xã hội toàn bộ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 15-6-2021, với tổng số tiền là: 16.111.767 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 11.156.364 đồng, số tiền nợ lãi là: 4.955.403 đồng.

+ Về án dân sự sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật và buộc chị H, anh C phải nộp án phí giá ngạch chia công nợ khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã nhiều lần thông báo hợp lệ và triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh C đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án lần thứ hai, nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Còn chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án cũng vắng mặt, nhưng chị H đã có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt của chị. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn và chia công nợ khi ly hôn".

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 30-12-2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh C là hợp pháp, đã thỏa mãn đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau kết hôn vợ, chồng chị H, anh C đã có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được 03 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ, chồng chị H, anh C chủ yếu là do việc anh C mải mê chời bời rồi không quan tâm đến gia đình, không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chị H và không cùng với chị H chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; ngoài ra thì còn một nguyên nhân nữa là do chị H và anh C kết hôn với nhau thời gian đã lâu mà không có con chung với nhau từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát với nhau và vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng một trầm trọng hơn. Do chơi bời, anh C đã vay mượn tiền của những người cho vay ngoài xã hội mà không có khả năng trả nợ được cho họ nên đầu năm 2017, anh C đã phải bỏ nhà đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để trốn nợ. Sau khi anh C bỏ nhà đi được một thời gian thì chị H cũng bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị để sinh sống và đến thời gian gần đây thì chị H đã đi vào trong thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để làm ăn và vợ, chồng chị H, anh C đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau suốt từ năm 2017 cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa chị H và anh C đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét hôn nhân của vợ, chồng chị H, anh C nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế thì đời sống chung của vợ, chồng chị H, anh C cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay nên mục đích của hôn nhân

không còn đạt được. Do đó việc chị H xin ly hôn với anh C là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa chị H và anh C.

[3.2]. Về con chung; tài sản chung, riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị Trần Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; ngoài ra thì cho đến nay anh Nguyễn Văn C cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về những mối quan hệ này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về công nợ chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau: Ngày 28-5-2014, anh Nguyễn Văn C đã có đơn đề nghị vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn), với số tiền đề nghị vay là 12.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay để thực hiện làm mới công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường của gia đình, thời hạn xin vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 06 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09-6-2019 và đến ngày 02-6-2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã đồng ý phê duyệt cho vợ, chồng anh C, chị H vay với số tiền là 12.000.000 đồng, mức lãi suất trong Hạn là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá Hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời Hạn cho vay là 60 tháng, kỳ Hạn trả nợ là 06 tháng/lần, số tiền trả nợ là 1.300.000 đồng/lần, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày mùng 9, Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09-6-2019 và đến ngày 25-6-2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V đã giải ngân cho vợ, chồng anh C, chị H vay với số tiền là 12.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn thì vợ, chồng anh C, chị H đã trả tiền lãi suất cho Ngân hàng được đến hết ngày 09-5-2018, với tổng số tiền là 3.669.526 đồng và đến ngày 14-11-2019 đã trả được một phần tiền gốc vay, với số tiền là 843.636 đồng, sau đó từ ngày 15-11-2019 cho đến nay thì vợ, chồng anh C, chị H không trả cho Ngân hàng được khoản tiền nào nữa. Như vậy tính đến nay vợ, chồng anh C, chị H còn nợ của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc vay là 11.156.364 đồng và số tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận từ ngày 10-5-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là 4.955.403 đồng, trong đó lãi trong Hạn là 4.269.119 đồng và lãi quá Hạn là 659.284 đồng . Xét thấy việc vợ, chồng anh C, chị H vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V là vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, mục đích sử dụng vốn vay là để làm mới công trình nước sạch và công trình vệ sinh môi trường của gia đình và nay thời Hạn vay của vợ, chồng anh C, chị H đã hết Hạn và trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ, chồng anh C, chị H đã vi pHm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Do đó việc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V yêu cầu vợ, chồng anh C, chị H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc vay còn nợ là 11.156.364 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 10-5-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án là 4.955.403 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tương ứng với số tiền

gốc mà vợ, chồng anh C, chị H còn nợ tính từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án cho đến khi vợ, chồng anh C, chị H trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc anh C và chị H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ số tiền mà vợ, chồng anh C, chị H còn nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 15-6-2021, với tổng số tiền là 16.111.767 đồng và chia phần buộc anh C, chị H mỗi người phải trả ½ số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật và buộc chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí giá ngạch chia công nợ khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của Ngân hành chính sách xã hội. Xử buộc chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận tính đến ngày 15-6-2021, với tổng số tiền là: 16.111.767đ (Mười sáu triệu một trăm mười một nghìn bẩy trăm sáu bẩy đồng); trong đó số tiền nợ gốc là: 11.156.364đ (Mười một triệu một trăm năm sáu nghìn ba trăm sáu tư đồng), số tiền nợ lãi là: 4.955.403đ (Bốn triệu chín trăm năm năm nghìn bốn trăm linh ba đồng).

Chia phần chị Trần Thị H phải trả số tiền là: 8.055.883đ (Tám triệu không trăm năm năm nghìn tám trăm tám ba đồng), trong đó số tiền gốc là: 5.578.182đ (Năm triệu năm trăm bẩy tám nghìn một trăm tám hai đồng), số tiền lãi là: 2.477.701đ (Hai triệu bốn trăm bẩy bẩy nghìn bẩy trăm linh một đồng). Anh Nguyễn Văn C phải trả số tiền là: 8.055.883đ (Tám triệu không trăm năm năm nghìn tám trăm tám ba đồng), trong đó số tiền gốc là: 5.578.182đ (Năm triệu năm trăm bẩy tám nghìn một trăm tám hai đồng), số tiền lãi là: 2.477.701đ (Hai triệu bốn trăm bẩy bẩy nghìn bẩy trăm linh một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thì chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá Hạn của số tiền còn nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H phải nộp số tiền là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002081 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

3.2. Án phí giá ngạch chia công nợ khi ly hôn: Buộc chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp số tiền là: 402.700đ (Bốn trăm linh hai nghìn bẩy trăm đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng chính sách xã hội có quyền kháng cáo trong thời Hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H và anh C có quyền kháng cáo trong thời Hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân

.